

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH LÂM ĐỒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 94/2020/HS-ST
Ngày: 22-9-2020.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đức Công.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Huê.
2. Bà Nguyễn Thị Văn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Dự là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Vương Khả Nhật Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 88/2020/TLST-HS, ngày 26 tháng 8 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2020/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 9 năm 2020, đối với các bị cáo:

1. *Họ và tên:* **Chu Quang T**, tên gọi khác: Không, sinh năm 1997; tại tỉnh Bắc Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: thôn D, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang; trình độ văn hóa: Lớp 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Làm thuê; con ông Chu Quang H, sinh năm 1974 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1976, cùng cư trú tại: Xã Xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an Tp. B, tỉnh Lâm Đồng từ ngày 10/7/2020 đến nay. *Có mặt.*

2. *Họ và tên:* **Phạm Thùy T**, tên gọi khác: P, sinh năm 2000; tại tỉnh Lâm Đồng; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 17, phường 2, Tp. B, tỉnh Lâm Đồng; nơi cư trú: Thôn 01, xã Đ, Tp. B, tỉnh Lâm Đồng; trình độ văn hóa: Lớp 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Không; con ông Phạm Thái H, sinh năm 1974, cư trú tại xã Đ, Tp. B, tỉnh Lâm Đồng và bà Trần Thị Thanh B, sinh năm 1975, hiện không rõ nơi cư trú; chồng, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 07/3/2018, Phạm Thùy T bị Tòa án nhân dân Tp. B, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 03 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, theo Bản

án số 09/2018/HS-ST. Tại thời điểm bị kết án bị cáo chưa đủ 18 tuổi nên được coi là không có án tích theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 107 Bộ luật hình sự.

Bị cáo bị bắt tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an Tp. B, tỉnh Lâm Đồng từ ngày 31/5/2020 đến nay. *Có mặt.*

- *Bị hại:*

Anh Vũ Đình H, sinh năm 1981, địa chỉ: Đường T, tổ 19, phường 2, Tp. B, tỉnh Lâm Đồng. *Vắng mặt.*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1996, địa chỉ đường L, phường L, Tp. B, tỉnh Lâm Đồng. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chu Quang T và Phạm Thùy T đều là nhân viên làm việc cho cơ sở kinh doanh của vợ chồng anh Vũ Đình H, địa chỉ: Tổ 19, phường 2, Tp. B, tỉnh Lâm Đồng. Khoảng cuối tháng 05/2019, Chu Quang T rủ Phạm Thùy T giả vờ lấy cớ mượn xe mô tô của anh H mang đi cầm cố xe lấy tiền tiêu xài, rồi chuyển đến nơi khác sinh sống nhằm chiếm đoạt tài sản của anh H thì T đồng ý. Đến 12 giờ 00 phút ngày 10/6/2019, T gọi điện cho Nguyễn Văn C, sinh năm 1996, địa chỉ: Đường L, phường L, Tp. B, tỉnh Lâm Đồng để hỏi về việc có cầm cố xe không giấy tờ thì C đồng ý. Do đó, T nói T thu gom toàn bộ đồ đạc cá nhân đợi T đi mượn xe của anh H về rồi chở T đi cầm cố xe và bỏ đi khỏi địa phương như đã bàn bạc trước đó. T đến đường T, phường 2, Tp. B, tỉnh Lâm Đồng gặp anh H và nói dối về việc mượn xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Nouvo, màu đỏ đen, biển số 49M1-035.37 đi một lúc rồi trả lại thì anh H tưởng thật nên đã đồng ý giao xe cho T. Sau khi nhận xe, T liền điều khiển xe mô tô của anh H đi đón T rồi cùng nhau đem xe của anh H đến nhà Nguyễn Văn C ở địa chỉ đường L, phường L, Tp. B, tỉnh Lâm Đồng thì gặp Phạm Quang T, sinh năm 1993, địa chỉ đường L, phường 1, Tp. B, tỉnh Lâm Đồng (là nhân viên của C). T và T nói dối T rằng xe mô tô biển số 49M1-035.37 là của T và T, còn giấy tờ xe bố mẹ T đang quản lý. T và T đề nghị cầm cố xe mô tô của anh H với giá 4.000.000 đồng thì T đồng ý nhưng trừ đi tiền lãi nên chỉ đưa cho T số tiền 3.400.000 đồng. Anh T nói T điều khiển xe mô tô của anh H đến gửi xe tại T tâm thương mại Vincom B rồi đưa chìa khóa xe và thẻ gửi xe cho T. Khoảng 17 giờ 00 phút cùng ngày, T và T đón xe đi đến tỉnh Gia Lai sinh sống, không liên lạc cũng như không trả lại xe cho anh H. Đến ngày 25/6/2019, anh H đến Cơ quan điều tra trình báo sự việc. Sau khi sự việc xảy ra, Nguyễn Văn C đã giao nộp xe mô tô biển số 49M1-035.37 cho Cơ quan điều tra ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho anh Vũ Đình H.

Theo Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 111/KL-HĐĐG ngày 11/10/2019 của Hội đồng định giá Tp. B, tỉnh Lâm Đồng xác định: xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Nouvo, màu đỏ đen, biển số 49M1-035.37 trị giá 11.200.000 đồng.

Bản Cáo trạng số 99/CT-VKSBL, ngày 25 tháng 8 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng truy tố các bị cáo Chu Quang T và Phạm Thùy T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng giữ nguyên Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Chu Quang T và Phạm Thuỳ T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; Điều 38; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Chu Quang T từ 12 tháng đến 15 tháng tù. Miễn hình phạt bổ sung.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Phạm Thuỳ T từ 12 tháng đến 15 tháng tù. Miễn hình phạt bổ sung.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra Cơ quan Công an thành phố B, tỉnh Lâm Đồng đã thu giữ và ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho bị hại anh Vũ Đình H 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Nouvo, màu đỏ đen, biển số 49M1-035.37 nên không xem xét.

Về bồi thường thiệt hại: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự và Điều 589 Bộ luật dân sự.

Bị hại anh Vũ Đình H không yêu cầu về dân sự nên không xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn C yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 4.500.000đ. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo chỉ thừa nhận, nhận trực tiếp từ anh T 3.400.000đ. Anh C không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh nên buộc các bị cáo T và T bồi thường cho anh C 3.400.000đ.

Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

+ Các bị cáo khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố và luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến gì về bản Cáo trạng và không có tranh luận, đối đáp gì với Kiểm sát viên.

+ Bị cáo T nói lời sau cùng: Nhận thức được hành vi phạm tội là vi phạm pháp luật, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

+ Bị cáo T nói lời sau cùng: Nhận thức được hành vi phạm tội là vi phạm pháp luật, do không hiểu biết pháp luật nên phạm tội và đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại và người tham gia tố tụng khác không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hội đồng xét xử nhận thấy, tại phiên tòa các bị cáo Chu Quang T và Phạm Thuỳ T đã khai và thừa nhận hành vi phạm tội phù hợp với nhau, phù hợp với lời

khai trong quá trình điều tra; nội dung bản Cáo trạng đã truy tố; luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa; nội dung bản Kết luận điều tra; Kết luận định giá tài sản; lời khai của bị hại; lời khai của những người tham gia tố tụng khác và các tài liệu, chứng cứ chứng minh đã được thu thập theo đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng hình sự qui định đã được kiểm tra tại phiên tòa.

Như vậy, có đủ căn cứ kết luận: Ngày 10/6/2019, Chu Quang T đã rủ rê Phạm Thùy T và thống nhất có hành vi gian dối để lừa đảo chiếm đoạt được 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Nouvo, biển số 49M1-035.37 trị giá 11.200.000 đồng của anh Vũ Đình H tại phường 2, Tp. B, tỉnh Lâm Đồng.

Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được qui định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015. Do đó, Cáo trạng số 99/CT-VKS, ngày 25 tháng 8 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến khách thể là quyền sở hữu về tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đã có hành vi gian dối nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của bị hại để thỏa mãn nhu cầu cho bản thân và với thái độ xem thường pháp luật nên đã thực hiện hành vi phạm tội đến cùng. Các bị cáo thực hiện tội phạm là ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo gây mất trật tự an toàn xã hội. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm để răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về nhân thân: Bị cáo T có nhân thân tốt, bị cáo T có nhân thân xấu.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, tài sản đã được thu hồi và trả lại cho bị hại. Bị cáo T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Vì vậy, cho bị cáo T được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được qui định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51, bị cáo T được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được qui định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[7] Căn cứ vào qui định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử thấy, cần cách ly khỏi xã hội, buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tại cơ sở giam giữ trong một thời hạn nhất định tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra.

[8] Vụ án có đồng phạm nên cần xem xét tính chất, mức độ của từng bị cáo như sau:

Đối với bị cáo T là người rủ rê, là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội nên tính chất mức độ cao hơn bị cáo T.

Đối với bị cáo T là người giúp sức tích cực để thực hiện hành vi phạm tội nên tính chất, mức độ thấp hơn bị cáo T.

[9] Về phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp nên miễn hình phạt bổ sung.

[10] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, xử lý như sau:

Quá trình điều tra Cơ quan Công an thành phố B, tỉnh Lâm Đồng đã thu giữ và ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho bị hại anh Vũ Đình H 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Nouvo, màu đỏ đen, biển số 49M1-035.37 nên không xem xét.

[11] Về bồi thường thiệt hại: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự và Điều 589 Bộ luật dân sự, giải quyết như sau:

Bị hại anh Vũ Đình H không yêu cầu gì thêm về dân sự nên không xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn C yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 4.500.000đ (bốn triệu, năm trăm ngàn đồng). Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo chỉ thừa nhận là nhận trực tiếp từ anh Phạm Quang T (là người làm thuê cho anh C) 3.400.000đ (ba triệu bốn trăm ngàn đồng). Anh C không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh nên chỉ buộc các bị cáo Chu Quang T và Phạm Thùy T bồi thường cho anh C 3.400.000đ, theo phần mỗi bị cáo là $\frac{1}{2}$ là 1.700.000đ (một triệu bảy trăm ngàn đồng). Phần không được chấp nhận buộc anh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

[12] Các vấn đề khác: Đối với Nguyễn Văn C và Phạm Quang T là những người nhận cầm cố xe mô tô từ các bị cáo. Tuy nhiên, anh C và anh T không biết tài sản do Chu Quang T và Phạm Thùy T phạm tội mà có nên không xem xét trách nhiệm hình sự.

[13] Xét đề nghị và luận tội của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tại phiên tòa là căn cứ chấp nhận.

[14] Về chi phí tố tụng: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về ... án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

[15] Quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo qui định của pháp luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Chu Quang T và Phạm Thùy T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 174, Điều 17; Điều 38, điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo **Chu Quang T 01** (một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/7/2020.

- Áp dụng khoản 1 Điều 174, Điều 17; Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo

Phạm Thùy T, tên gọi khác: Po **01** (một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 31/5/2020.

3. Về bồi thường thiệt hại: Buộc các bị cáo Chu Quang T và Phạm Thùy T mỗi bị cáo bồi thường cho anh Nguyễn Văn C 1.700.000đ (một triệu bảy trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được qui định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Buộc các bị cáo Chu Quang T và Phạm Thùy T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và mỗi bị cáo phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc anh Nguyễn Văn C phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND thành phố B;
- Người tham gia tố tụng;
- Chi cục T.H.A.DS thành phố B;
- Sở Tư pháp;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Đức Công